



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP CENCON Việt Nam

Ngày 31/03/2025	1,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.0%	-5.0%	-

DT thuần Q1/25
18.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.50 -28.6%
YoY: ▼2.20 -10.6%

LN thuần Q1/25
-0.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.12 -107%
YoY: ▼0.50 -102%

LN sau thuế Q1/25
0.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.07 -88.2%
YoY: ▼0.02 -68.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
0.1%
YoY: +/-▼ 0.3%

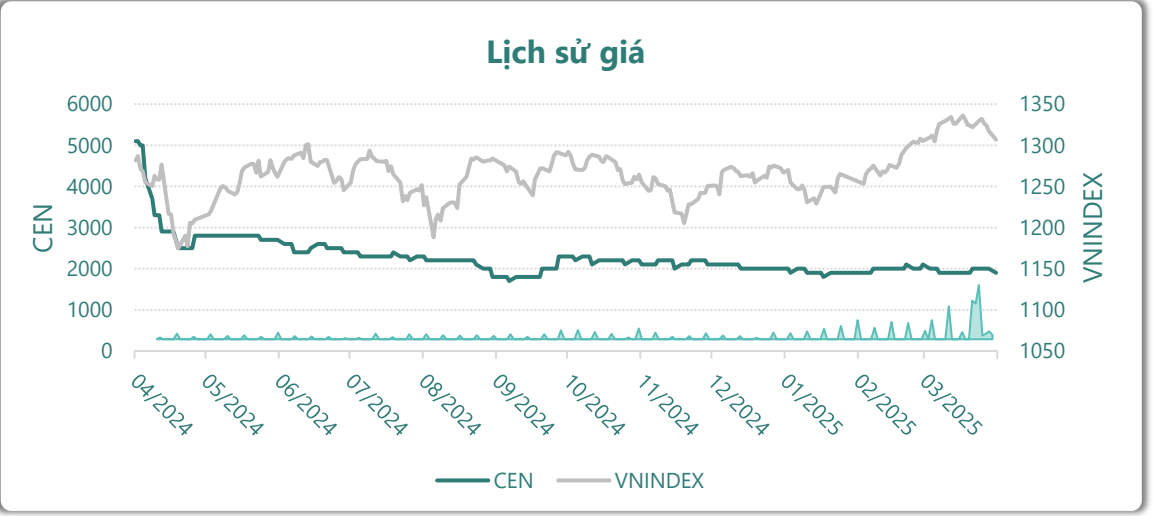
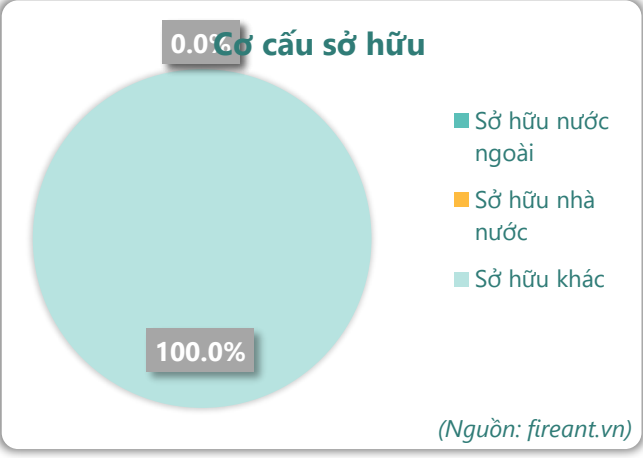
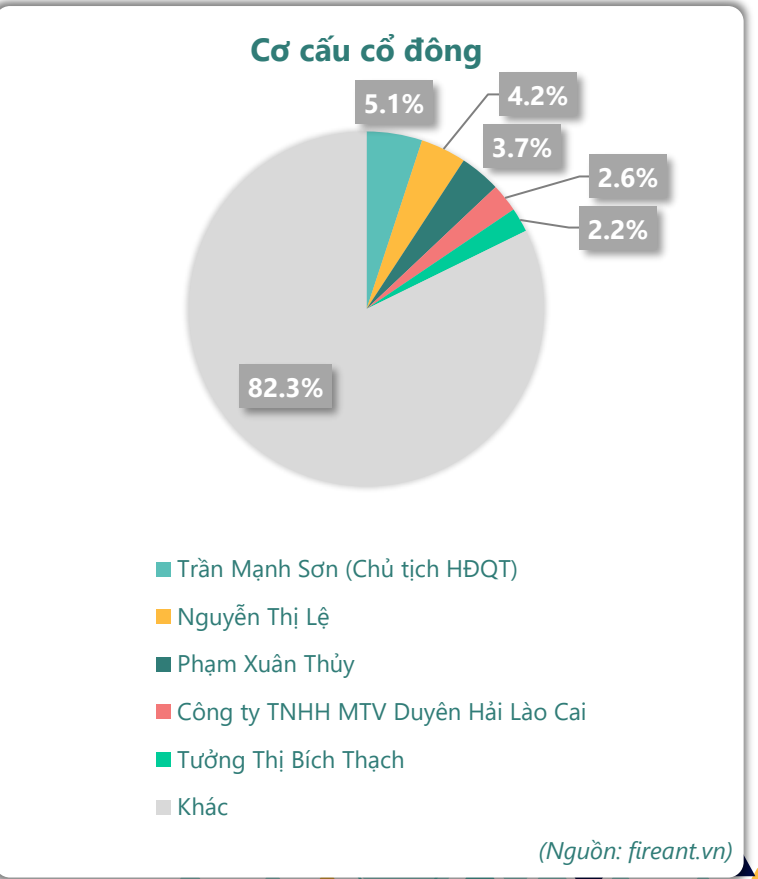
ROE (TTM) Q1/25
0.0%
YoY: +/-▼ 0.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,700 - 5,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	41
Số lượng CPLH (CP)	21,712,440
KLGD BQ 20 phiên (CP)	31,045
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.93
EPS	4
P/E	534.2

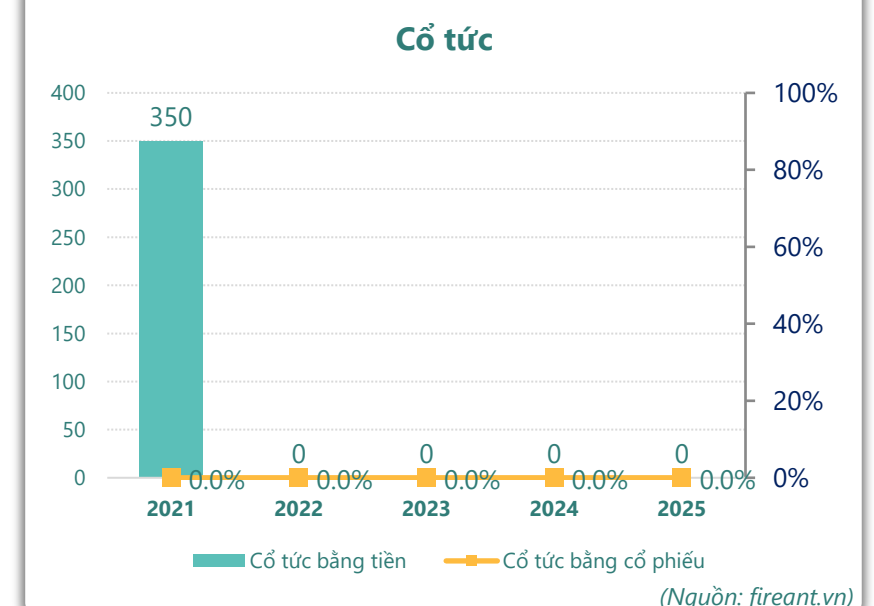
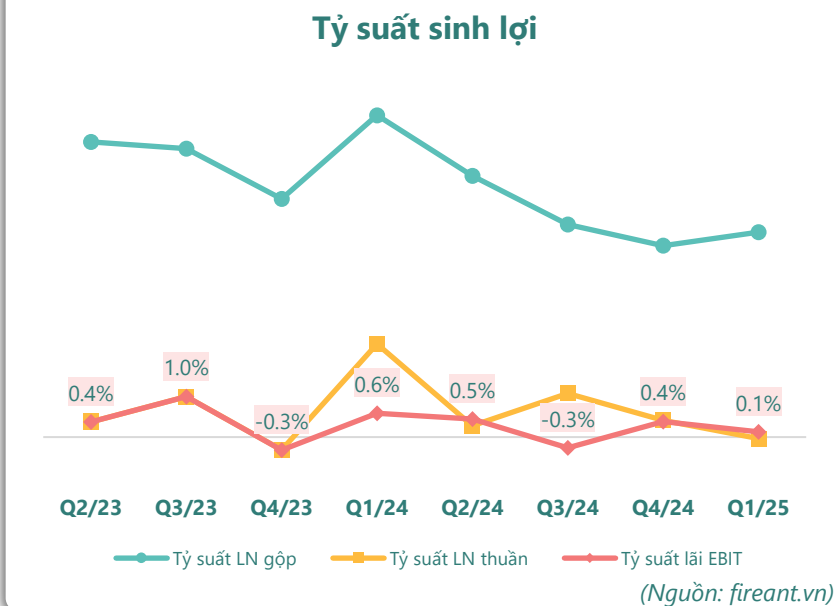
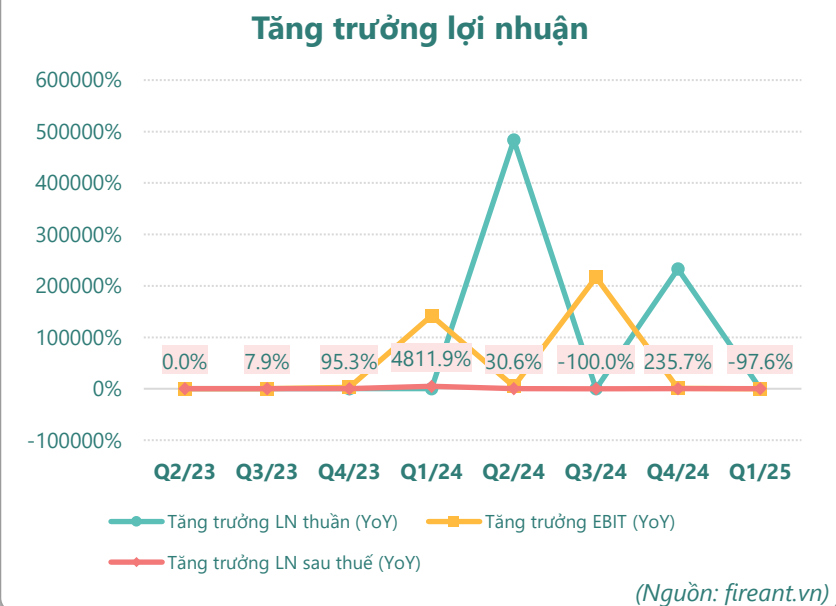
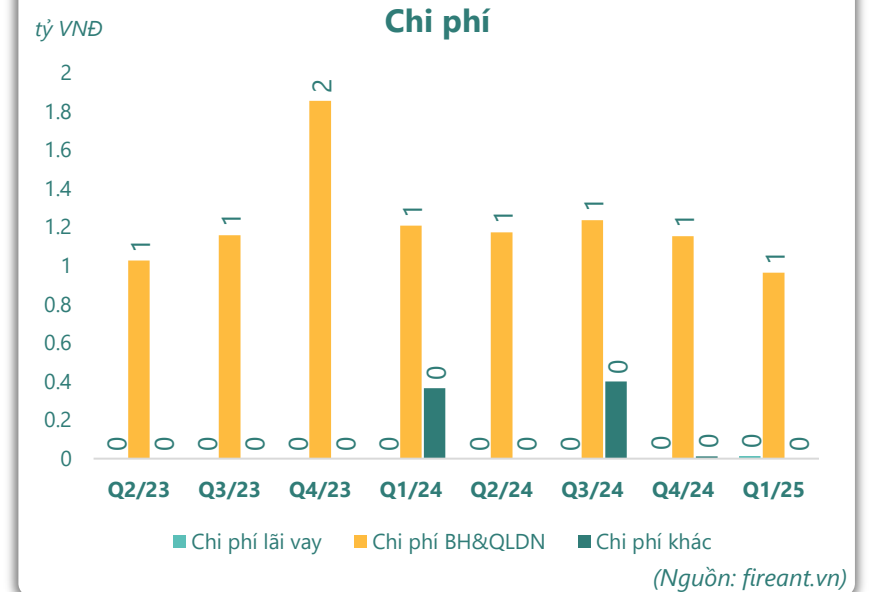
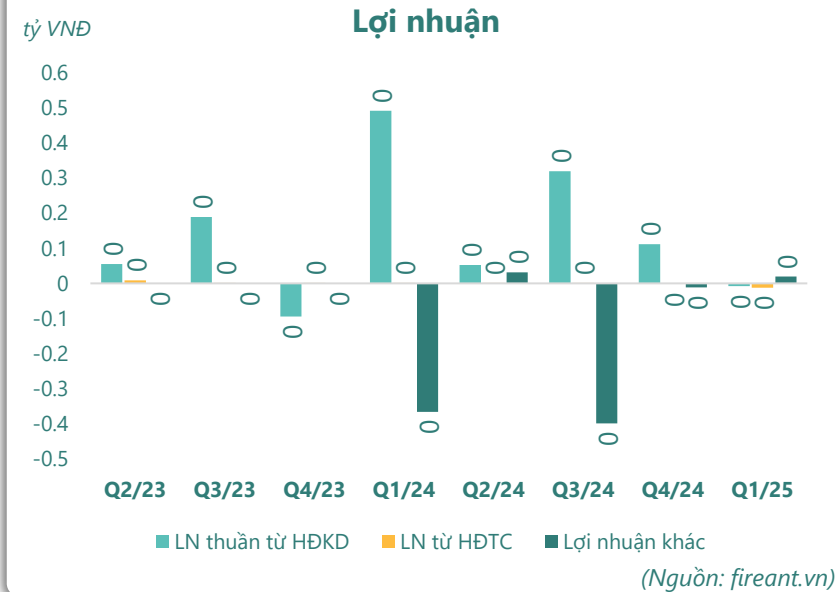
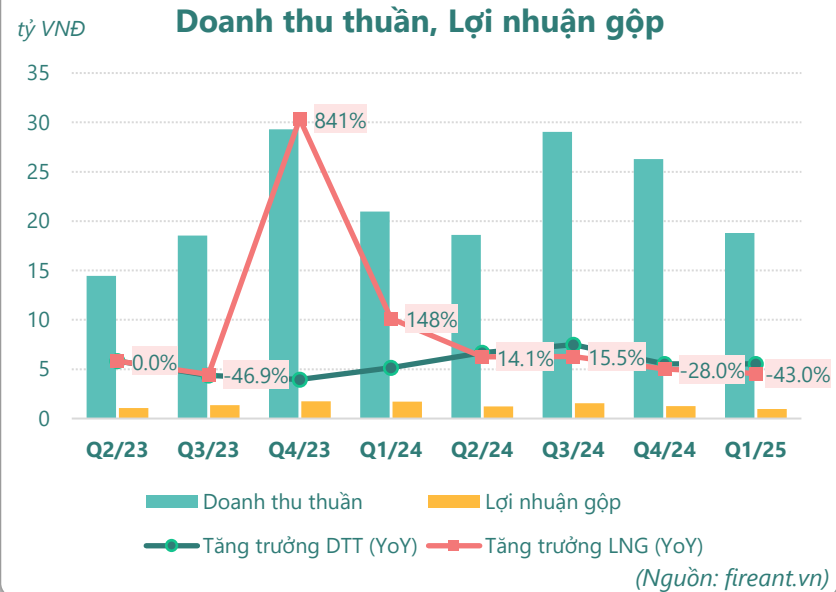
DT thuần 2024
94.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.20 5.8%

LN thuần 2024
0.96
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.81 560%

LN sau thuế 2024
0.02
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.09 -84.5%



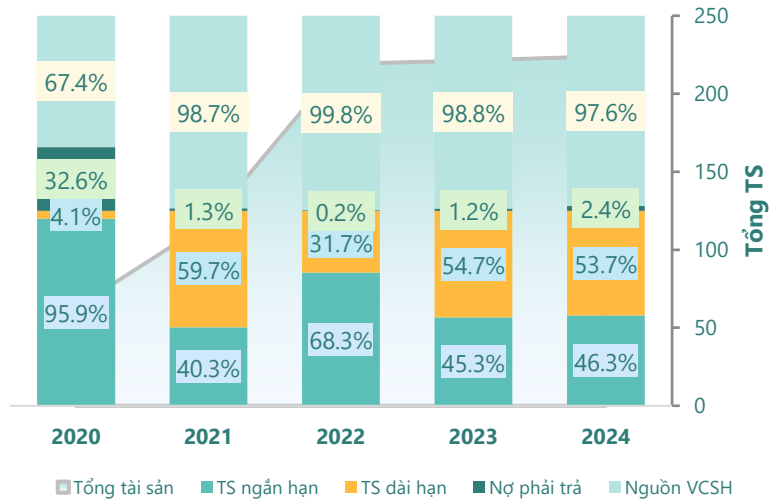
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

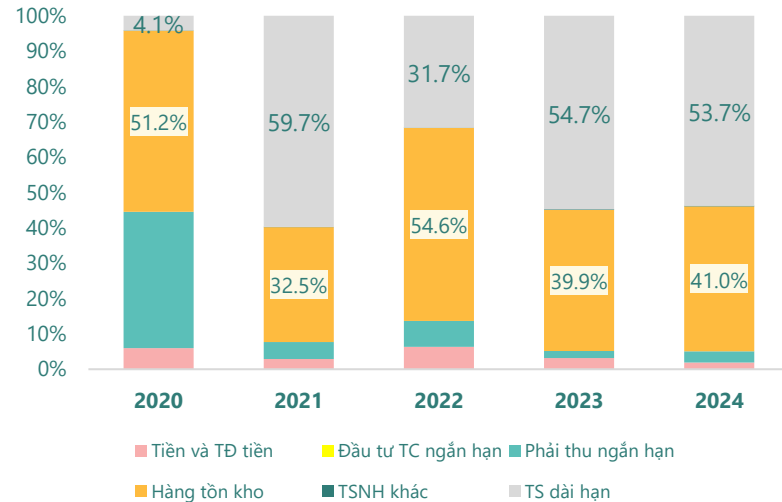
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

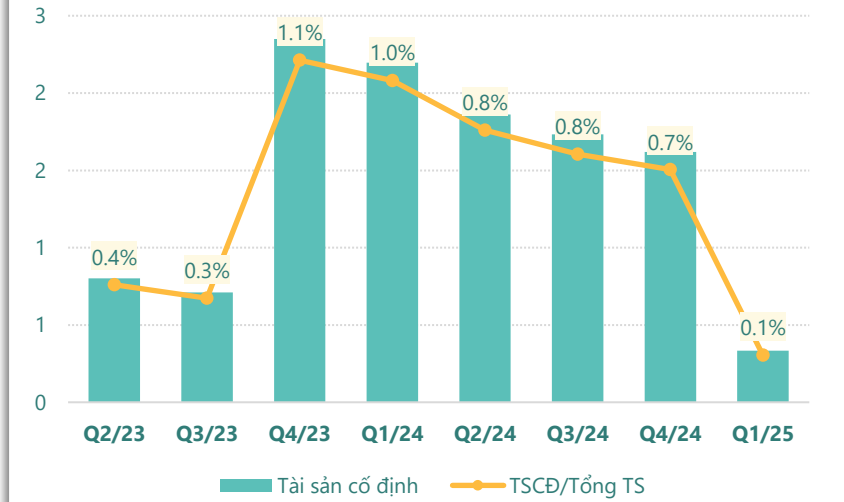
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

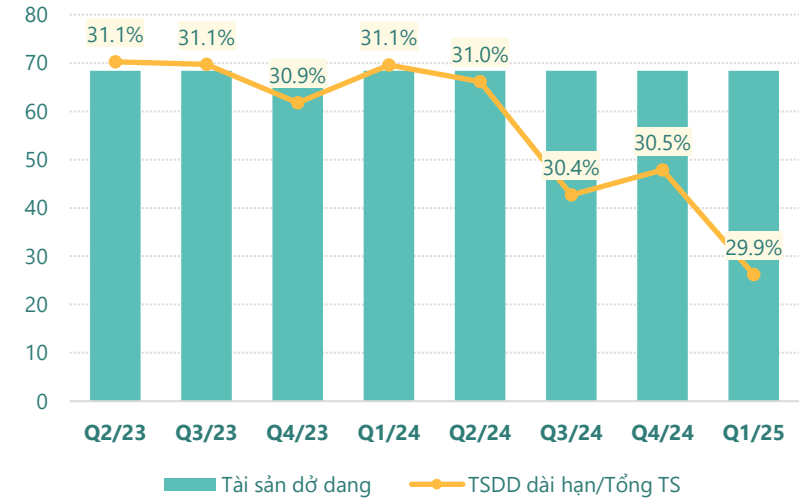
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

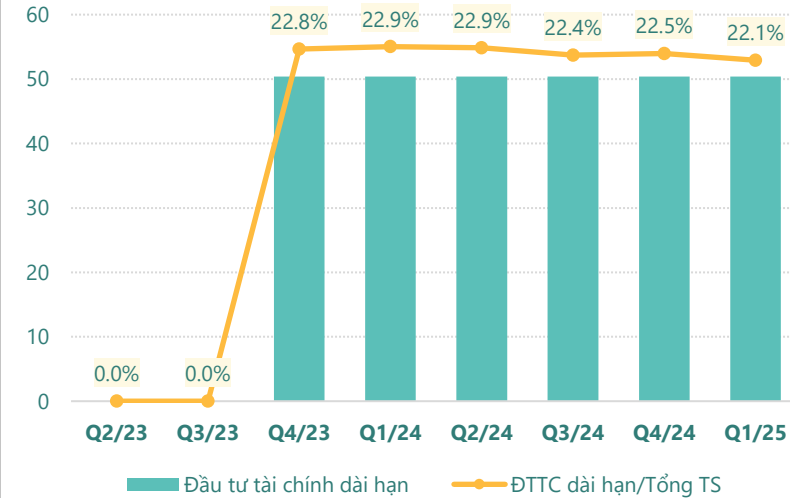
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

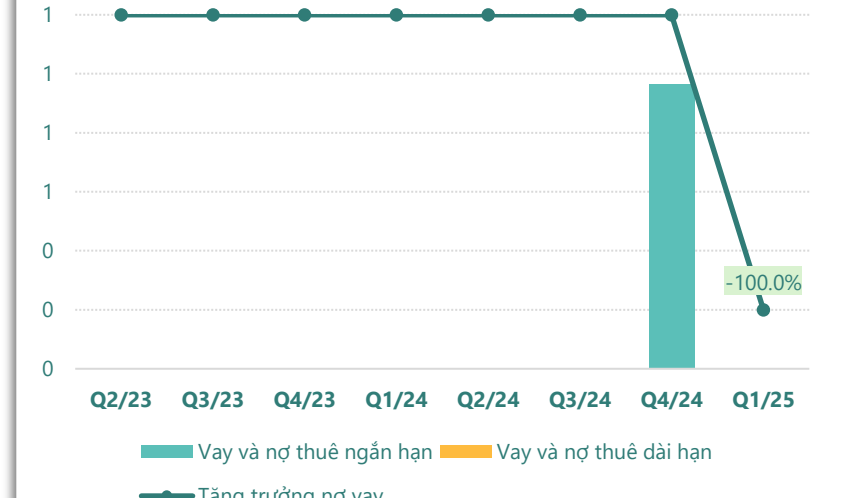
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

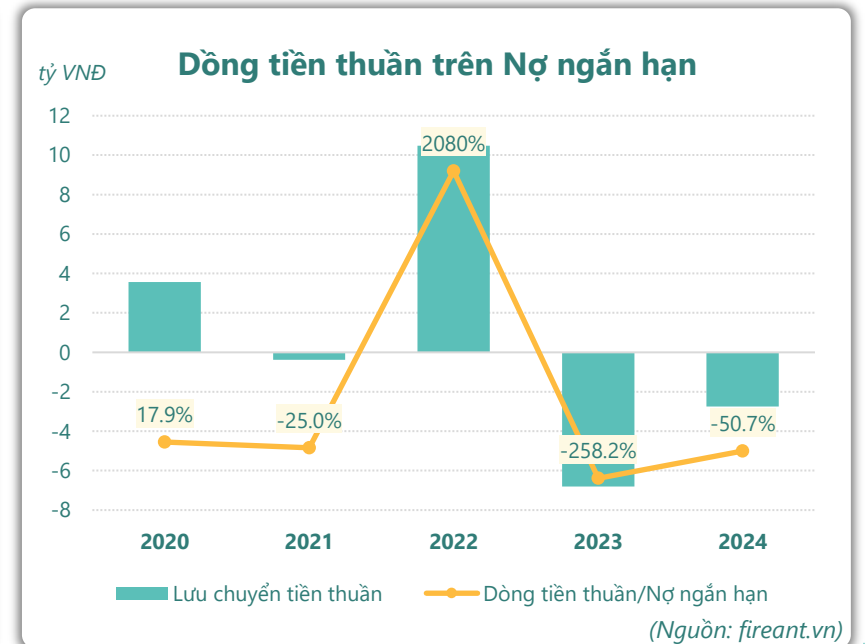
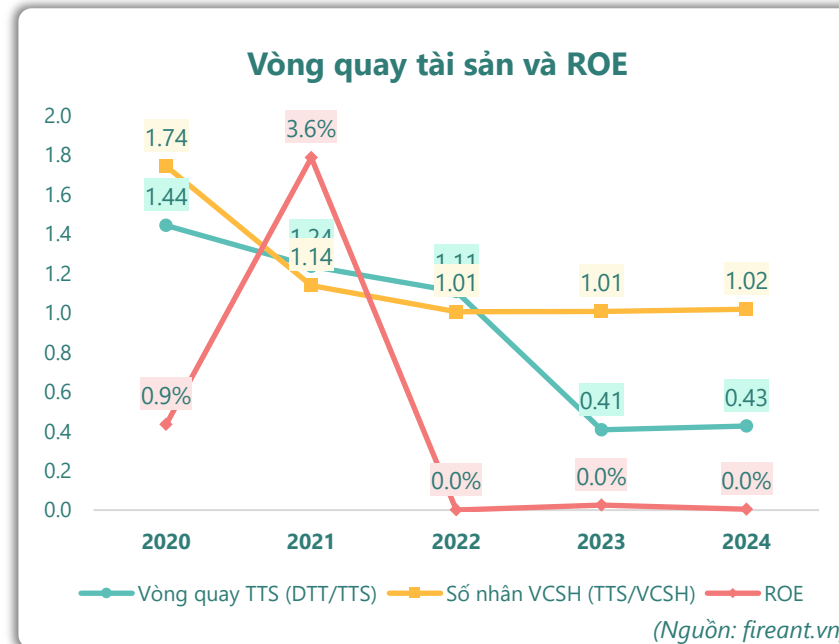
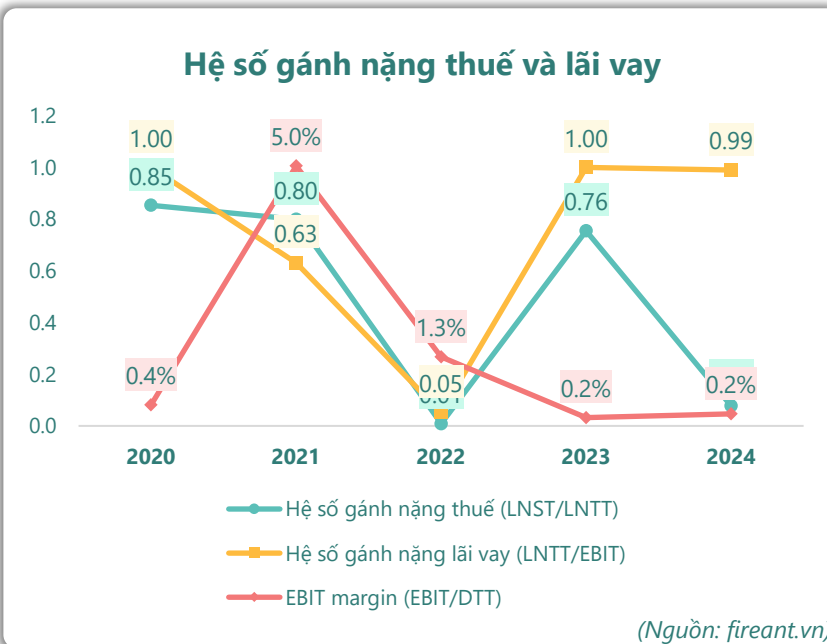
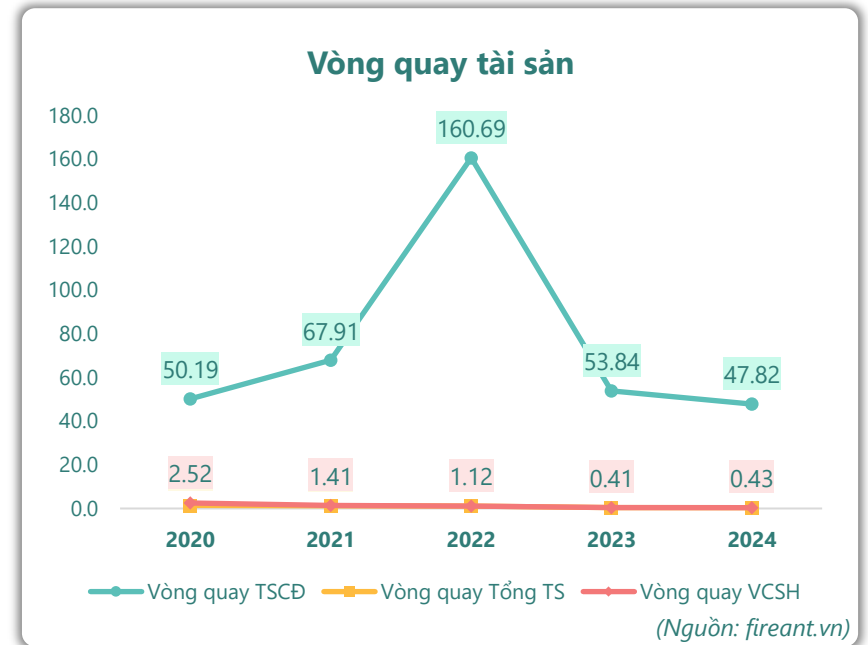
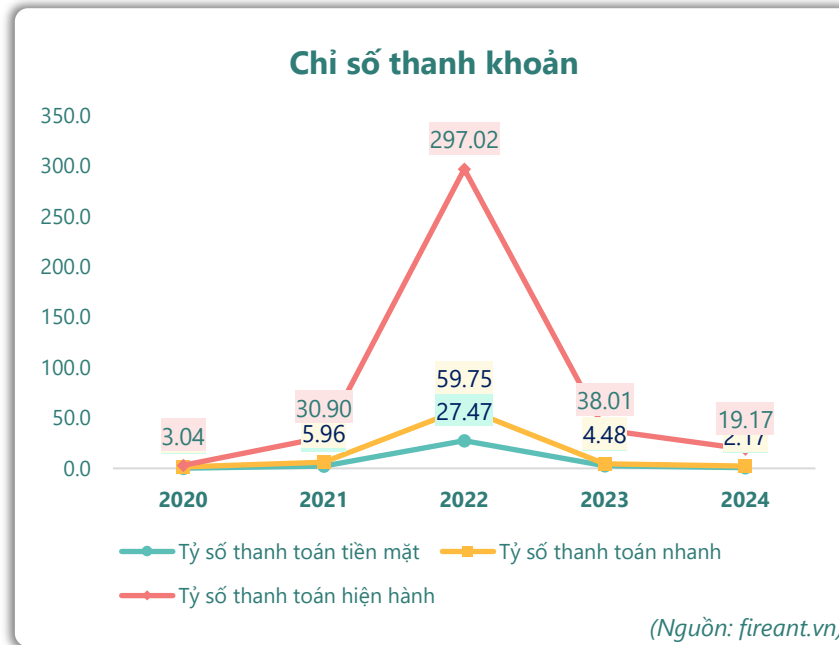
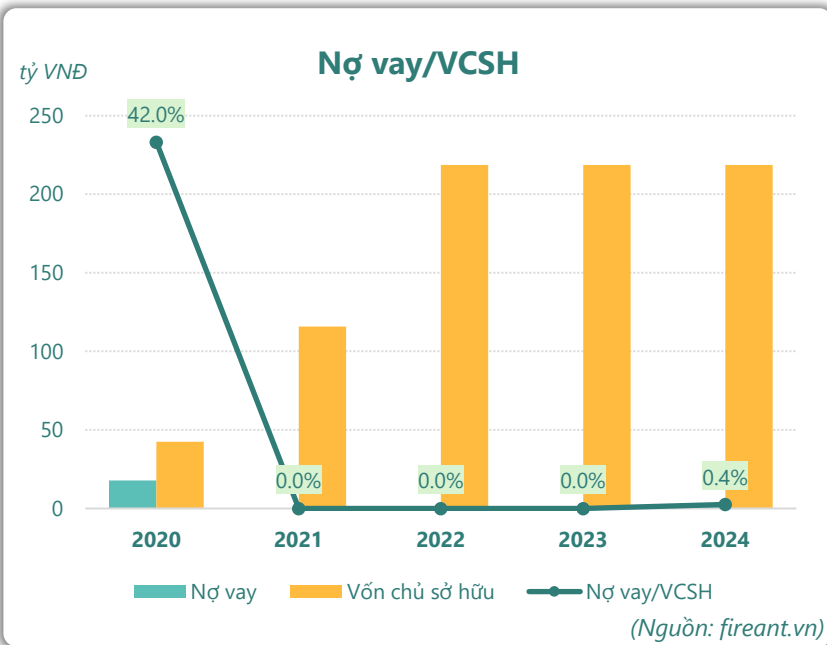
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	18.8	21.0	-10.6%	94.9	89.7	5.8%
Giá vốn hàng bán	17.8	19.3	-7.7%	89.1	84.8	5.1%
Lợi nhuận gộp	0.97	1.70	-42.9%	5.75	4.86	18.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.03	-94.2%
Chi phí TC	0.01	0.00		0.00	0	
Chi phí lãi vay	0.01	0.00		0.00	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.51	0.51	0.3%	2.20	2.35	-6.1%
Chi phí QLDN	0.45	0.70	-35.2%	2.59	2.40	7.8%
LN thuần từ HĐKD	-0.01	0.49	-102%	0.96	0.15	560%
Lợi nhuận khác	0.02	-0.37	105%	-0.75	0.00	-35072%
LN trước thuế	0.01	0.13	-90.9%	0.22	0.14	50.3%
Lợi nhuận sau thuế	0.01	0.03	-68.4%	0.02	0.11	-84.5%
LNST của CĐ cty mẹ	0.01	0.03	-68.4%	0.02	0.11	-84.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	56.2	2.42	-2.77	0.86	-4.48	-1.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-52.2	0.00	0.26	0.00	0.00	1.34
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0.97	-0.97
Tiền đầu kỳ	2.95	7.03	9.45	6.95	7.81	4.29
Lưu chuyển tiền thuần	4.08	2.42	-2.51	0.86	-3.51	-1.58
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.03	9.45	6.95	7.81	4.29	2.71

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	229	224	2.0%
Tài sản ngắn hạn	109	104	5.5%
Tiền và tương đương tiền	2.71	4.29	-36.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	7.03	7.05	-0.3%
Hàng tồn kho	99.4	92.0	8.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.27	0.39	-30.0%
Tài sản dài hạn	119	120	-1.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.33	1.62	-79.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	68.4	68.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	50.4	50.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9.86	5.41	82.3%
Nợ ngắn hạn	9.86	5.41	82.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.97	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.54	4.12	107%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	219	219	0.0%
Vốn chủ sở hữu	219	219	0.0%
Vốn điều lệ	217	217	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

